

**PHỤ LỤC VI**

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG  
KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu 1

**BIÊN BẢN**

**KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN  
KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm .....

Tại: .....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông ..... Chức vụ:.....

- Ông ..... Chức vụ:.....

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông  
..... chuyên môn ..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy  
nội địa hạng ...../Thực tập ..... được đơn  
vị: ..... đề nghị công nhận mới £, công nhận lại £, công nhận nâng  
hạng £ đăng kiểm viên kiểm tra chuyên ngành vỏ tàu/máy tàu

**I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá**

| TT                       | NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ |           |
|--------------------------|-------------------|------------------|-----------|
|                          |                   | Đạt              | Không đạt |
| 1. Quy định về nghiệp vụ |                   |                  |           |
| 1.1                      |                   | £                | £         |
| 1.2                      |                   | £                | £         |

|                                                                           |                                                                                 |   |   |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---|---|
| 1.3                                                                       |                                                                                 | £ | £ |
| ...                                                                       | .....                                                                           | £ | £ |
| <b>2. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 25:2010/BGTVT</b> |                                                                                 |   |   |
| 2.1                                                                       | Công tác chuẩn bị Kiểm tra                                                      | £ | £ |
| 2.2                                                                       | Thực hiện Kiểm tra tàu:                                                         | £ | £ |
| 2.2.1                                                                     | Kiểm tra đóng mới, sửa chữa.....                                                | £ | £ |
| 2.2.2                                                                     | Sao thẩm định mẫu:<br>.....                                                     |   |   |
| 2.3                                                                       | Lập biên bản kiểm tra.                                                          | £ | £ |
| <b>3. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 72:2013/BGTVT</b> |                                                                                 |   |   |
| 3.1                                                                       | Công tác chuẩn bị kiểm tra                                                      | £ | £ |
| 3.2                                                                       | Thực hiện kiểm tra:                                                             | £ | £ |
| 3.2.1                                                                     | Kiểm tra đóng mới, sửa chữa:                                                    | £ | £ |
| 3.2.2                                                                     | .....                                                                           | £ | £ |
| 3.2.3                                                                     | Thẩm định thiết kế thi công:<br>.....<br>Thẩm định thiết kế hoàn công:<br>..... |   |   |
| 3.3                                                                       | Lập biên bản kiểm tra.                                                          | £ | £ |
| <b>4. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 25:2010/BGTVT</b>     |                                                                                 |   |   |
| 4.1                                                                       | Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra                                             | £ | £ |
| 4.2                                                                       | Thực hiện kiểm tra:                                                             | £ | £ |
| 4.2.1                                                                     | Kiểm tra trên đà:                                                               | £ | £ |
| 4.2.2                                                                     | .....                                                                           | £ | £ |
| 4.2.3                                                                     | Kiểm tra hàng năm:<br>.....                                                     |   |   |

|                                                                       |                                                                     |   |   |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---|---|
|                                                                       | Kiểm tra bất thường:<br>.....                                       |   |   |
| 4.3                                                                   | Lập biên bản kiểm tra                                               | £ | £ |
| <b>5. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 72:2013/BGTVT</b> |                                                                     |   |   |
| 5.1                                                                   | Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra                                 | £ | £ |
| 5.2                                                                   | Thực hiện kiểm tra                                                  | £ | £ |
| 5.2.1                                                                 | Kiểm tra định kỳ:                                                   | £ | £ |
| 5.2.2                                                                 | .....                                                               | £ | £ |
| 5.2.3                                                                 | Kiểm tra trên đà:                                                   | £ | £ |
| 5.2.4                                                                 | .....                                                               | £ | £ |
| 5.2.5                                                                 | Kiểm tra trung gian:                                                |   |   |
|                                                                       | .....                                                               |   |   |
|                                                                       | Kiểm tra hàng năm:                                                  |   |   |
|                                                                       | .....                                                               |   |   |
|                                                                       | Kiểm tra bất thường:                                                |   |   |
|                                                                       | .....                                                               |   |   |
| 5.3                                                                   | Lập biên bản kiểm tra                                               | £ | £ |
| <b>6. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm</b>                                     |                                                                     |   |   |
| 6.1                                                                   | Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính | £ | £ |
| 6.2                                                                   | Lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện                                 | £ | £ |
| 6.3                                                                   | Lập các báo cáo giám sát của đơn vị                                 | £ | £ |

## II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

.....

## III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đảng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ ... ngày ..... Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị, ..... bản gửi về Cục Đảng kiểm Việt Nam

**ĐƠN VỊ ĐẢNG KIỂM**

*(Lãnh đạo đơn vị ký tên,  
đóng dấu)*

**NGƯỜI ĐƯỢC**

**ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**

**ĐẢNG KIỂM VIÊN**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

**ĐẢNG KIỂM**

**VIÊN KIỂM TRA**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

**Nguồn:** Thông tư 49/2015/TT-BGTVT